

PHÒNG GD & ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG MẦM NON HƯNG ĐẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:219/KH-MNHD

Hưng Đạo, ngày 21 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 8 Chương trình giáo dục và Điều 25 Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ công văn số: 1454/HD-PGD&ĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 và hướng dẫn tổ chức tựu trường, khai giảng năm học 2024-2025.

Căn cứ tài liệu hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ tình hình thực tế, trường Mầm non Hưng Đạo xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

PHẦN I

BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. Bối cảnh bên ngoài

1. Cơ hội:

Sau đại hội Đảng các cấp lần thứ XIII, tỉnh Quảng Ninh chú trọng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện tích cực Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*”; đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Đông Triều lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết số 100-NQ/TU ngày 29/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã về phê duyệt đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

Vị trí địa lý phường Phường Hưng Đạo Phía đông giáp các phường Xuân Sơn và Kim Sơn với ranh giới là sông Cẩm Phía tây giáp phường Hồng Phong Phía Bắc giáp phường Đức Chính. Trường Mầm non Hưng Đạo có 01 điểm trường đặt khu trung tâm, thuận tiện cho trẻ trong độ tuổi đến trường.

Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, cán bộ quản lý nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm.

- Trình độ dân trí tại địa phương không đồng đều chưa quan tâm nhiều đến giáo dục, nên việc đầu tư, quan tâm, chăm lo cho việc học của con em, nhất là lứa tuổi mầm non là chưa được sát sao.

- Đa số cha mẹ trẻ bận đi làm ít có thời gian tham gia các hoạt động của nhà trường, việc đưa đón trẻ chủ yếu là ông bà nên việc trao đổi thông tin hai chiều còn bất cập.
- Phụ huynh có tư tưởng kỳ vọng và có mong muốn trẻ được học chương trình giáo dục mầm non cao so với quy định đã gây nhiều áp lực cho CBGV trong nhà trường.
- Vẫn còn nhiều cha mẹ học sinh nhất là đối với trẻ 5-6 tuổi, đều có nguyện vọng cho trẻ học trước chương trình lớp 1 và cho trẻ học trước ở các cơ sở ngoài.

II. Bối cảnh bên trong nhà trường

1. Điểm mạnh

Trường Mầm non Hưng Đạo được thành lập từ năm 1977. Tiền thân là trường Mẫu giáo Hưng Đạo và Nhà trẻ xã Hưng Đạo. Năm 2004 trường Mẫu giáo và nhà trẻ được sáp nhập lại và trường được lấy tên là trường Mầm non Hưng Đạo. Trải qua hơn bốn mươi năm cùng với sự phát triển và đi lên của đất nước. Trường Mầm non Hưng Đạo đã không ngừng phấn đấu vươn lên, dù ở thời điểm nào tập thể nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt. Nhà trường từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, Tháng 11 năm 2018 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh công nhận trường mầm non Hưng Đạo đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Tháng 8 năm 2015 nhà trường được Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Hàng năm nhà trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ CBGVNV: Có 28 CBGVNV trong đó 28/28 CBGVNV đạt trình độ chuẩn; 22/28 đạt 78,6% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ trên chuẩn, Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình trong công tác, có năng lực và có nhiều kinh nghiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, năng động, sáng tạo; tích cực, trách nhiệm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; giáo viên mầm non đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp, 100 % cán bộ quản lý giáo viên đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp đạt từ mức khá trở lên.

Nhà trường có 01 điểm trường duy nhất đặt tại trung tâm Khu Mễ Xá 2 phường Hưng Đạo, Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng kiên cố gồm 15 phòng học và các phòng chức năng và đồ dùng, trang thiết bị dạy học theo quy định, đáp ứng cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo yêu cầu. Môi trường giáo dục trong và ngoài lớp xanh, an toàn, thân thiện, phong phú, hấp dẫn trẻ, tạo mọi cơ hội cho trẻ thực hành, trải nghiệm

2. Điểm yếu

- Đồ dùng đồ chơi theo thông tư được cấp phát từ nhiều năm nên trong quá trình sử dụng đã hư hỏng, nhiều danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi chưa được bổ sung kịp thời theo quy định.

- Có 01 giáo viên chưa đạt chuẩn (đang đi học đại học), có 3 Giáo viên độ tuổi từ 53 - 55 chưa phát huy hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng dạy học tại trường, giáo viên còn khó khăn trong việc xây dựng các loại kế hoạch chăm sóc, giáo dục: *Kế hoạch năm học, kế hoạch tháng/chủ đề, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày, kế hoạch hoạt động*. Chưa biết cách phát triển MT, tăng cường ứng dụng làm quen tiếng Anh và Công nghệ số trong hoạt động giảng dạy. Việc tiếp cận với phương pháp giáo dục tiên tiến của một số giáo viên còn hạn chế.

- Năm học 2024-2025 việc tích hợp giáo dục quyền con người trong cơ sở giáo dục mầm non là nội dung mới nên Cán bộ quản lý và giáo viên còn lúng túng trong việc chọn mục tiêu và nội dung giáo dục cho trẻ.

3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trường Mầm non Hưng Đạo là một trong những trường trọng tâm, tạo được niềm tin, là nơi gửi gắm tin cậy đối với phụ huynh học sinh bởi chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục lấy trẻ làm trung tâm hướng tới mục tiêu: Trẻ phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ, nơi giáo viên và trẻ luôn vươn tới để ngày càng hoàn thiện hơn.

Sứ mệnh

Tạo môi trường vui chơi, học tập lành mạnh, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phong phú, thân thiện, an toàn, mở rộng vốn hiểu biết, kinh nghiệm sống cho trẻ, hình thành nhân cách toàn diện cho trẻ Mầm non. Chất lượng giáo dục cao, phát huy tính tích cực của trẻ, sáng tạo của giáo viên và khẳng định được chất lượng giáo dục.

Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc, trẻ hạnh phúc với phương châm “Bỏ áp lực thành tích - Mang đến điều con thích”. Với “Tinh thần trách nhiệm - Tình yêu thương - Tính trung thực-

Tình đoàn kết - Tư duy sáng tạo”.

PHẦN II

XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Mục tiêu của chương trình giáo dục nhà trường giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, đặt nền tảng để trở thành công dân toàn cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và việc học tập suốt đời.

Tiếp tục ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến (STEM, STEAM, REGGIO EMILIA, MONTESSORI) **trong nhà trường, gắn với** Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” trong thực hiện Chủ đề. Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”. Đẩy mạnh giáo dục kĩ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, an toàn trẻ trong nhà trường.

Trẻ Mẫu giáo làm quen với công nghệ số giúp trẻ tiếp cận với các phương tiện Ứng dụng CNTT là những thiết bị số, nhằm hướng tới hình thành, phát triển ở trẻ năng lực cá nhân, hoạt động chia sẻ nhóm, biết thao tác trên các thiết bị số, sử dụng các thiết bị kỹ thuật công nghệ số trong các hoạt động học, chơi để khám phá, trải nghiệm các kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của từng độ tuổi, nhu cầu và khả năng của trẻ; góp phần chuẩn bị tốt nhất cho trẻ các kỹ năng cần thiết trong thời đại công nghệ số từng bước dần đáp ứng các phẩm chất của công dân toàn cầu

PHẦN III

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU CỤ THỂ THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ; khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu.

1.1. Phát triển thể chất.

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản và vận động tinh theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
- Biết 1 số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.
- *Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác*

1.2. Phát triển nhận thức.

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- *Tìm hiểu các bộ phận trên cơ thể, quyết định ai được phép chạm vào cơ thể mình, ai không được phép, biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm*
- *Nhận thức được cơ thể mỗi người đều cần được tôn trọng, kể cả người khuyết tật.*
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
- Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: Màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.

1.3. Phát triển ngôn ngữ.

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu bản thân.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ, và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.
- *Mọi trẻ trai, trẻ gái đều có quyền bày tỏ ý kiến với mọi người xung quanh về mọi sự vật sự việc.*

1.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Biết thực hiện hành vi văn hóa giao tiếp và thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Biết thực hiện một số kỹ năng sống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...
- *Tham gia vào các trải nghiệm, miêu tả và giao tiếp thông qua các hình thức biểu đạt thẩm mỹ khác nhau (như hình ảnh, kịch chuyển động, ca hát, âm nhạc, khiêu vũ....)*
- *Trẻ tự do và sáng tạo khi tham gia vào các hoạt động thẩm mỹ.*

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. Hình thành và phát triển ở trẻ những chức

năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo.

2.1. Phát triển thể chất.

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2. Phát triển nhận thức.

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- *Có khả năng sử dụng 1 số thao tác đơn giản trên máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động*

2.3. Phát triển ngôn ngữ.

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- *Có khả năng Tiếp cận và làm quen với tiếng anh qua từ ngữ, câu giao tiếp đơn giản hình ảnh quen thuộc gần gũi hàng ngày.*

2.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kĩ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian.

Chương trình thiết kế 35 tuần/năm học. Học kỳ I là 18 tuần, bắt đầu từ ngày 9 tháng 9 năm 2024 đến 10/01/2025, học kỳ II là 17 tuần từ ngày 13 tháng 1 năm 2025, kết thúc tuần 35 vào ngày 23/5/2025, kết thúc năm học vào 30/05/2025 theo công văn số 1454/HD- PGD&ĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024- 2025 và tổ chức cho học sinh tựu trường, khai giảng năm học 2024 – 2025.

Đối với các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo mỗi tuần làm việc 5 ngày từ thứ 2 đến thứ 6. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường. Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của toàn ngành.

2. Chế độ sinh hoạt

2.1. Nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' -7h45'	Đón trẻ	7h00'-8h00'	Đón trẻ
7h45' -9h45'	Chơi - Tập	8h00' - 9h00'	Chơi - Tập
9h45' -10h45'	Ăn chính	9h00' - 10h00'	Ăn chính
10h45' - 13h15'	Ngủ	10h00'-13h00'	Ngủ
13h15' -13h45'	Ăn phụ	13h00' -13h30'	Ăn phụ
13h45' -14h45'	Chơi - Tập	13h30' - 14h30'	Chơi - Tập
14h45' -15h45'	Ăn chính	14h30' -15h30'	Ăn chính

15h45'-16h45'	Chơi/Trả trẻ	15h30'-14h30'	Chơi/Trả trẻ
----------------------	--------------	----------------------	--------------

2.2. Mẫu giáo

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' - 8h00'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng	7h00' - 8h15'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
8h00' - 8h40'	Học	8h15' - 8h55'	Học
8h40' - 9h30'	Chơi, hoạt động ở các góc	8h55' - 9h45'	Chơi, hoạt động ở các góc
9h30' - 10h10'	Chơi ngoài trời	9h45' - 10h25'	Chơi ngoài trời
10h10' - 11h10p	Ăn bữa chính	10h25' - 11h35p	Ăn bữa chính
11h10' - 13h40'	Ngủ	11h35' - 13h55'	Ngủ
13h40' - 14h10'	Ăn bữa phụ	13h55' - 14h25'	Ăn bữa phụ
14h10' - 15h30'	Chơi, hoạt động theo ý thích	14h25' - 15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
15h30' - 16h40'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	15h45' - 16h55'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

III. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi (mục tiêu)

1. Nhà trẻ: Độ tuổi 24-36 tháng tuổi

1.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
MT1: Ăn: Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ	- Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651

các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	Kcal. -Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần. - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định: +Yêu cầu tối thiểu: <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn</i>: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%; - Ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Uống nước đủ: từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
MT2: Ngủ: Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút. - Trẻ ngủ ngon, ngủ sâu giấc. - Trẻ được đảm bảo an toàn khi ngủ
MT 3: Vệ sinh: Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân ở lớp.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.
Môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng,	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng

đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
MT4: Chăm sóc sức khỏe và an toàn: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Trẻ phát triển bình thường là ... Giảm tỷ lệ SDD... + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp
MT5: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A Trẻ 24 tháng: +Trẻ trai:Cân nặng: 9,7 đến 15,3 (kg) Chiều cao: 81,7 đến 93,9cm +Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 (kg) Chiều cao: 80,0 đến 92,9cm - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 (kg) Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 (kg) Chiều cao: 87,4 đến 102,7cm	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Cân trẻ 3tháng 1 lần. đo trẻ 3 tháng 1 lần. Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.

MT6: Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ. - Làm quen với chế độ, nề nếp ăn cơm và ăn các loại thức ăn khác nhau. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng... - Rèn thói quen ngủ một giấc trưa
--	---

1.2. Giáo dục

MỤC TIÊU CỤ THỂ (Kết quả mong đợi)	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT7: - Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
MT8: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp; Đi có mang vật trên tay; Đi kết hợp với chạy - Chạy đổi hướng

- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô.	- Đứng co một chân; bước lên xuống bậc cao 15 cm - Đi theo đường ngoằn ngoèo, Bước lên xuống bậc có vịn
MT9: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng theo đường hẹp, bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản(bò theo đường ngoằn ngoèo)
MT10: Trẻ thể hiện được sức mạnh cả đôi chân trong vận động bật.	- Nhún bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ - Bật về phía trước; Bật xa bằng hai chân
MT11: Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung bóng với cô ở khoảng cách 1m: ném vào đích xa 1-1,2m.	- Tung - bắt bóng cùng cô; Tung bóng qua dây - Ném bóng vào đích;
MT12: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay(tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước
- Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay	
MT13: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Đóng cọc bàn gỗ - Lật mở trang sách
MT14: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Tập cầm bút tô, vẽ
MT15: Trẻ biết chấp ghép được các mảnh hình	- Chấp ghép hình - Xếp chồng 6-8 khối
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe - Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	

MT16: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.
MT17: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 18: Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT19: Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói.	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT20: Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép. - Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất...
MT 21: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng..
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT22: Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần.
MT 23: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm(leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	

- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT24: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn. - Sờ nắn nhìn ngửi nếm ...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
MT25: Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau	-Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu một số con vật quen thuộc
- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
MT 26: Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT27: Trẻ biết được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
MT28: Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT29: Biết được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Biết tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT30: Trẻ biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc.	-Tên và một số đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc

MT31: Trẻ biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của 1 số loại hoa quả quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của 1 số loại hoa, quả, rau quen thuộc - Lợi ích - cách chăm sóc
MT32: Trẻ biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của các con vật quen thuộc - Lợi ích - Nơi sống, cách chăm sóc
MT33: Trẻ nói đúng tên và lấy hoặc cất đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh
MT34: Chỉ nói đúng tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to nhỏ
MT35: Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
MT36: Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
MT37: Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
- Nghe hiểu lời nói	
MT38: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói
MT39: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “ Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Thế nào?”; “Để làm gì?”; “ Tại sao"

MT40: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn
MT41: Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố
MT 42: Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc
- Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT43: Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau
MT44: Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
MT45: Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn có 3 - 4 tiếng
Làm quen với sách	
MT 46: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
MT47: Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
- Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT48: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.

MT49: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài
MT50: Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Chào hỏi khi gặp người lớn, biết cảm ơn, xin lỗi, mạnh dạn tự tin khi giao tiếp, nói năng nhẹ nhàng

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Biểu lộ sự nhận thức của bản thân.	
MT51: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết gọi, một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tay, chân.
MT52: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ
- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT53: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn
MT54: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận của cô.
MT55: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.
MT56: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.
- Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
MT57: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Chào, cảm ơn, vâng ạ.
MT58: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT59: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ

	chơi của bạn cùng chơi.
MT60: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định
- Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình. Xem tranh	
MT61: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..	- Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc
MT62: Thích tô màu, vẽ, (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu.
MT63: Trẻ thích xé, dán, xếp hình	- Tập vò xé, dán giấy - Tập xếp hình: xếp chồng, xếp khối, xếp cạnh...
MT64: Trẻ thích nặn	- Chơi với đất nặn và nặn các sản phẩm đơn giản.
MT65: Trẻ thích xem tranh.	- Xem tranh, xem sách truyện. - Xem tranh ảnh theo chủ đề

2. Mẫu giáo 3-4 tuổi

2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
MT1: Ăn: Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. Uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh	- Chế độ ăn: Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

	+ <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Ăn đúng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. - Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn theo mùa.
MT2: Tổ chức ngủ: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
MT3: Vệ sinh: - Trẻ Biết vệ sinh cá nhân : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Vệ sinh môi trường:
- Môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
MT4: Chăm sóc sức khỏe và an toàn: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Trẻ phát	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3).

triển bình thường là trên 97 %. + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...) - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
-Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp
MT5: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 – 21,1kg Chiều cao: 94,9 – 111,7cm + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 – 21,5kg Chiều cao: 94,1 – 111,3	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.

2.2. Giáo dục

MỤC TIÊU CỤ THỂ (Kết quả mong đợi)	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Lĩnh vực phát triển thể chất	
Phát triển vận động	
Thực hiện được các động tác phát triển cơ và hô hấp	

MT6: Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. Co duỗi chân +BAT tại chỗ
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT7: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3 m	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp
MT8: Kiểm soát được vận động đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc
MT9: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Ném xa bằng 1 tay - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Ném trúng đích bằng 1 tay
MT10: Trẻ thực hiện bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Bò, trườn, trèo theo hướng thẳng, dích dắc. - Bò chui qua cổng; Bò trong đường hẹp - Trườn về phía trước
MT11: Trẻ thực hiện trèo lên xuống bậc cao 30 cm	- Bước lên xuống bậc cao(30cm).

MT12: Trẻ thực hiện bật xa tối thiểu 25 cm	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm
MT13: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, nhẹn khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m)	- Ném trúng đích ngang
- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
MT14: Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT15: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch, ngoạc. - Cài, cởi cúc áo. - Xếp chồng các hình khối khác nhau.
Giáo dục dinh dưỡng Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	
MT16: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc
MT17: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc - <i>Biết một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương</i>
MT18: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất
Thực hiện một số việc tự phục vụ cho sinh hoạt	

MT19: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT20: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách.	- Sử dụng ca, cốc, bát thìa đúng cách
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT21: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi....	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT22: Có một hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT23: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh xa phích nước nóng, ổ cắm điện, bếp đang nấu... - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT24: Biết tránh nơi không an toàn, nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm: ao, hồ, bể nước, giếng, hố vôi....

MT25: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính mạng - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá khoa học - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
MT26: Trẻ biết đặc điểm của nước, ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
MT27: Trẻ biết được một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày
MT28: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tên, đặc điểm cùng các bộ phận bên ngoài của những con vật gần gũi quen thuộc về một trong các nhóm động vật sau: Bò sát, cá, chim, lưỡng cư, thú, côn trùng, - Đặc điểm nổi bật của cây, hoa, quả quen thuộc.
MT29 Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng: Ví dụ thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi,	- Các thử nghiệm : Chìm- nổi; Vì sao ngọn nến tắt; Cây cần gì để lớn lên và phát triển...
- Nhận biết môi quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT30: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng
MT31: Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng: hay đặt câu hỏi về	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ

đối tượng.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát.
MT32: Trẻ biết thời tiết theo mùa	- Hiện tượng tự nhiên
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT33: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát
MT34: Trẻ biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể
MT 35: Trẻ biết yêu thương, tôn trọng cơ thể của bản thân và của người khác	- Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm và hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách - Tìm hiểu và nhận thức được cơ thể của mỗi người được tôn trọng kể cả người khuyết tật. - Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì có sở thích khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương chăm sóc bảo vệ và giúp đỡ - Nhận thức được quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân và cả người khác) nhận thức rằng tất cả mọi người đều quan trọng và có quyền được đối xử một cách tôn trọng.
MT36: Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng của đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
MT37: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
MT38: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật	- Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật
MT39: Trẻ nhận được một số đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT40: Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện được các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình

	- Các hoạt động của con vật,
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
- Nhận biết, đếm, số lượng	
MT41: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - Trẻ biết cách đếm số theo thứ tự, đếm theo khả năng trên một số trò chơi thiết bị số.	- Đếm theo khả năng <i>Chơi trò chơi trên thiết bị số (Kitsdmats, trò chơi học tập).</i>
MT42: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5
MT43: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	- 1 và nhiều - So sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT44: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
MT45: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
- Sắp xếp theo quy tắc	
MT46: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ
- So sánh, phân loại	
MT47 : Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau.	- So sánh hai đối tượng về kích thước,
MT 48. Trẻ biết phân loại tạo thành các nhóm đối tượng theo đặc điểm hay theo dấu hiệu	- Phân thành nhóm theo dấu hiệu màu sắc, kích thước, hình dạng
- Nhận biết hình dạng	

MT49: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình, hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để lắp ghép
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT50: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải- tay trái của bản thân
Khám phá xã hội - Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT51: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
MT52: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, những người thân trong gia đình.
MT53: Trẻ biết được tên địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên, công việc của một nghề quen thuộc
MT54: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo .- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT55: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Tên, sản phẩm ích lợi của của một số nghề phổ biến
- Nhận biết một số lễ hội danh lam thắng cảnh	
MT56: Trẻ có thể kể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết Trung thu ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm
MT57: Trẻ có thể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.

Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
- Nghe hiểu lời nói	
MT58: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản, Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản
MT59: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
MT60: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT61: Trẻ biết nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói rõ ràng
MT62: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT63: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng
MT64: Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim....	- Kể lại được sự việc
MT65: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT66: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của giáo viên
MT67: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Nghe sử dụng các từ biểu cảm - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
MT68: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “Thưa”.. trong giao tiếp.	- Nghe sử dụng các từ biểu thị, lễ phép - <i>Biết sử dụng 1 số từ tiếng Anh đơn giản như Hello, GoodBye, Thank you...</i>

MT69: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
- Làm quen với việc đọc và viết	
MT70: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT71: Trẻ biết cầm sách để xem.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn, bảo vệ sách - Được tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
MT72: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT73: Trẻ thích vẽ, “viết” nghịch ngoac.	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Hướng viết của các nét chữ
MT74: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, ...)
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
- Thể hiện ý thức về bản thân	
MT75: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân
MT76: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích	- Những điều bé thích, không thích.
- Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT77: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi... cùng bạn - Trả lời câu hỏi của cô giáo

MT78: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh	
MT79: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
MT80: Trẻ được đối xử công bằng và bình đẳng	- Đối xử công bằng với mọi trẻ trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt. - Thể hiện sự đồng cảm, hòa hợp và tôn trọng người khác dù người đó là ai trong mọi tình huống giao tiếp - Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm
MT81: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
MT82: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
MT83: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT84: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT84: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột
MT86: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Có cử chỉ, lời nói lễ phép(chào hỏi, cảm ơn) - Nhận biết những hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
MT87: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác

MT88: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt
- Quan tâm đến môi trường	
MT89: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật.
MT90: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi.
MT91: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT92: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
MT93: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn...thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè
MT94: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT94: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên
MT96: Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc.

MT97: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
MT98: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT99: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT100: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT101: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT102: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
-Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(Âm nhạc, tạo hình)	
MT103: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - <i>Nghe các bản nhạc nước ngoài</i>
MT104: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích
MT105: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết giữ gìn sản phẩm - Đặt tên cho sản phẩm của mình

3. Mẫu giáo 4-5 tuổi

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
MT1: Ăn : Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất	- Chế độ ăn: Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 –

cung cấp năng lượng theo quy định. Uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh	726 Kcal. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Ăn đúng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Tổ chức ngủ: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
MT3: Vệ sinh: - Trẻ Biết vệ sinh cá nhân : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Vệ sinh môi trường:
- Môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần

MT4: Chăm sóc sức khỏe và an toàn: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Trẻ phát triển bình thường là ... Giảm tỷ lệ SDD... + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
-Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp
MT 5: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé trai: cân nặng là 14,1 kg - 24,2 kg và chiều cao là: 100,7cm -119,2cm - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé gái: cân nặng là: 13,7 kg-24,9 kg. và chiều cao là: 99,9 - 118,9cm.	- Trẻ phải được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. Và thường xuyên được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng. - Được cân và đo chiều cao 3 tháng 1 lần.

3.2. Giáo dục

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT 6: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	* Động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật.

	* Động tác phát triển các nhóm cơ: - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
MT7 : Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. Đi bước dồn trước, đi bước dồn ngang - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m
MT8: Trẻ biết kiểm soát được vận động chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn(4-5 vật chuẩn đặt zích zắc)	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT 9: Trẻ có thể chạy nhanh chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60-80m - Chạy theo bóng và bắt bóng
MT10: Trẻ có thể kiểm soát được các vận động bò	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m

MT11: Trẻ biết khéo léo trườn theo hướng thẳng	- Trườn theo hướng thẳng
MT 12: Trẻ biết thực hiện các vận động trèo lên xuống ghế	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm - Trèo lên xuống 5 giống thang
MT13: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, đập bắt bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng : (xa 1,5m X cao 1,2 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2m)
MT 14: Trẻ có thể dùng sức mạnh để thực hiện các vận động bật nhảy	- Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35 cm) - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm - Nhảy lò cò 3 m
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
MT 15: Trẻ thực hiện được các vận động Cuộn- xoay tròn cổ tay. Gập mở các ngón tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nôi... - Gập giấy.
MT 16: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	- Lắp ghép hình. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình. - Biết tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
MT17: Trẻ nhận được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng.) - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món

	ăn - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - <i>Biết một số thực phẩm, món ăn đặc sản của địa phương</i>
MT 18: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	Biết một số thực phẩm cùng nhóm - Thịt cá ... nhiều chất đạm - Rau quả chín có nhiều vitamin
MT 19: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản - Rau luộc, nấu canh; Thịt luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT 20: Trẻ có thể tập làm 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	- Tập đánh răng, lau mặt. Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi ướt, bẩn - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 21: Trẻ có một số thói quen, hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn trong khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ - Ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, hoa quả lạ... - Không tự ý uống thuốc.
MT 22: Trẻ biết một số hành vi văn minh.	- Thực hiện một số hành vi văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
MT 23: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định,
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 24: Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn. Và	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an

phòng tránh.	toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Không chơi gần ao, hồ mương, bể chứa nước, - Không nghịch vật sắc nhọn - Tránh không sờ bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.
MT 25: Trẻ biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Biết một số biểu hiện khi ốm như mệt, đau đầu, sốt, nôn mửa...và cách phòng tránh đơn giản.
MT 26: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	-Không đi theo, không nhận quà khi chưa được người thân, cô giáo cho phép
MT27: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người giúp đỡ	- Gọi người lớn khi bị chảy máu, khi có người rơi xuống nước - Biết gọi người giúp đỡ khi đi lạc.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng	
MT 28: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT29: Trẻ biết đặc điểm của không khí, ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 30: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 31 : Trẻ biết phân biệt ngày và đêm <i>- Trẻ biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm, khám phá trải nghiệm thông qua ứng dụng phần mềm của trẻ mầm non</i>	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm + Nhận biết ngày và đêm + Trẻ biết ban ngày trời sáng có ông mặt trời, mọi người đi làm, đi học; buổi tối trên trời có nhiều sao, bầu trời tối, mọi người trong gia đình sum họp sau một ngày làm việc, học tập vất vả. + Khám phá ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy trong phần mềm Kidsmart

- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết các vấn đề đơn giản	
MT32: Trẻ nhận biết được đặc điểm của động vật	- Đặc điểm bên ngoài của con vật giúp gì cho chúng ích lợi và tác hại đối với con người - Động vật di chuyển bằng bộ phận gì ? - Động vật cần gì để sống ? - Động vật sống ở đâu ? - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật
MT 33: Trẻ nhận biết một số đặc điểm của thực vật	- Đặc điểm bên ngoài của cây hoa quả, ích lợi và tác dụng đối với con người - Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; -Quan sát, so sánh, phân loại một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các loại cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ cây
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT34: Trẻ biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	- Chức năng của các giác quan, các bộ phận khác của cơ thể.
MT 35: Trẻ biết yêu thương, tôn trọng cơ thể của bản thân và của người khác	- <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm và hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách</i> - <i>Tìm hiểu và nhận thức được cơ thể của mỗi người được tôn trọng kể cả người khuyết tật.</i> - <i>Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì có sở thích</i>

	<i>khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương chăm sóc bảo vệ và giúp đỡ</i> - <i>Nhận thức được quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân và cả người khác) nhận thức rằng tất cả mọi người đều quan trọng và có quyền được đối xử một cách tôn trọng.</i> - <i>Củng cố nhận thức của trẻ em về văn hóa của chính mình</i>
MT 36: Trẻ nhận biết được một số đồ dùng đồ chơi trong sinh hoạt	- Đặc điểm công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 1 hoặc 2 đồ dùng - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên theo công dụng hoặc chất liệu.
MT 37: Trẻ biết Phân loại đồ dùng, đồ chơi	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu như công dụng, chất liệu,... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu..
MT 38: Nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT 39: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân biệt đèn tín hiệu khi tham gia giao thông
MT 40: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh. Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra	- Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa
MT 41: Trẻ biết thời tiết, mùa	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm và các hiện tượng thời tiết thay đổi

	theo mùa - Quan sát, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận - Ảnh hưởng của thời tiết, mùa đến sinh hoạt của con người.
MT 42: Trẻ biết khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart	- Cho trẻ Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra: + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. + So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp. + Khám phá ao thiên nhiên bốn mùa trong ngôi nhà khoa học của Sammy
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
- Nhận biết số đếm, số lượng	
MT 43: Trẻ nhận biết chữ số, số lượng Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 .	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
MT 44: Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10	- So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10
MT45: Trẻ có thể tập hợp số lượng, các nhóm đối tượng và đếm.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
MT46: Nhận biết được ý nghĩa các con số tự nhiên	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
So sánh, sắp xếp theo quy tắc	
MT 47: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.

Xếp tương ứng	
MT 48: Trẻ biết xếp tương ứng	- Xếp tương ứng 1-1 ; ghép đôi
Đo lường	
MT 49: Trẻ sử dụng được các dụng cụ để đo lường bằng một đơn vị đo	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
Nhận biết hình dạng	
MT 50: Nhận biết sự giống và khác nhau của các hình, hình học	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 51: Trẻ biết định hướng trong không gian	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ. Và so với bạn khác.(Phía trước- phía sau ; Phía trên- Phía dưới ; Phía phải, phía trái).
MT 52: Trẻ có thể định hướng về thời gian	- Các buổi: sáng trưa, chiều, tối.
Khám phá xã hội	
- Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 53: Trẻ nhận biết về bản thân	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT 54: Trẻ nhận biết về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
MT55: Trẻ nhận biết về trường mầm non, cộng đồng	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 56: Trẻ nhận biết được một số nghề trong xã hội	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ích lợi...các hoạt động của một số nghề phổ biến,

MT 57 : Nghề truyền thống của địa phương (Khai thác thủy sản : Con rươi, con cáy)	-Tên gọi, đặc điểm nổi bật, cách khai thác và chế biến một số món ăn đặc sản của phường Hưng Đạo (Đặc sản con rươi, con cáy)
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 58: Trẻ biết danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	- Kể tên, nêu đặc điểm một số ngày lễ hội - Kể tên, nêu đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, sự kiện văn hóa của địa phương.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
- Nghe và hiểu lời nói	
MT59: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày
MT60: Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ..	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
MT61: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
MT62: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?” - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT63: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động
MT64: Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ

định, câu phủ định	định trong giao tiếp hằng ngày - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi
MT65: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
MT66: Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
MT 67: Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc	Kể lại truyện đã được nghe
MT68: Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch
MT 69: Sử dụng được các từ như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “ạ” “vâng” ...phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép + <i>Sử dụng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello, Goodbye, Thank you, Sorry.... để giao tiếp với cô giáo và các bạn trong các tình huống hợp lý</i>
MT 70: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
- Làm quen với việc đọc, viết	
MT 71: Trẻ biết chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT72: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa	- Làm quen với cách đọc + Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới

	+ Đọc ngắt nghỉ sau các dấu chấm - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ
MT73: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT74: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm...) - Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống bằng tiếng Việt và tiếng Anh	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ....) + <i>Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh</i>
MT75: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái
MT76: Trẻ nhận dạng một số chữ cái (15/29 chữ cái: o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, u, ư, l, t, c, h, k) thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart	- Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Chơi các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - trò chơi Happykid (làm quen chữ cái, tập tô chữ, nhóm chữ cái); phần mềm bản cảm ứng tương tác.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
Thể hiện ý thức về bản thân	

MT77: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích, khả năng của bản thân,	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ
MT78: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân
Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT79: Trẻ biết tự chọn đồ chơi và chơi theo ý thích	- Chọn các trò chơi, đồ chơi mà trẻ thích để chơi
MT 80: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi)	- Biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn - Hoàn thành công việc được cô giáo giao
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT81: Trẻ nhận biết cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, âm thanh, qua tranh ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc :vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, âm thanh, tranh ảnh.
MT82: Trẻ được đối xử công bằng và bình đẳng	- Đối xử công bằng với mọi trẻ trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt. - Thể hiện sự đồng cảm, hòa hợp và tôn trọng người khác dù người đó là ai trong mọi tình huống giao tiếp - Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm - Tôn trọng điểm giống và khác nhau của người khác so với bản thân mình về đặc điểm bên ngoài, sở thích khả năng suy nghĩ điểm mạnh điểm yếu... - Trẻ em nhận thức được mình ở đâu trong mỗi hoàn cảnh, tình huống và tôn trọng danh giới cá nhân.
MT 83: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT 84: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc

	- Lắng Bác ở Thủ đô Hà Nội
MT 85: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MT 86: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 87: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường..)
MT 88: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép
MT89: Trẻ biết yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình
MT 90: Trẻ tập trung chú ý khi nghe cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác
MT 91: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt hợp tác
MT 92 Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Quan tâm giúp đỡ bạn
MT 93: Trẻ biết phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘ Tốt- xấu’	- Phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘ Tốt- xấu’
Quan tâm đến môi trường	
MT 94:Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Chăm sóc con vật và cây cối
MT95: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường chung, trong lớp, ngoài lớp, nơi công cộng
MT 96: Trẻ không bẻ cành, bứt hoa	- Bảo vệ chăm sóc cây cối
MT 97: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt, tắt quạt, bóng điện, vòi nước khi không sử dụng.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT 98: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh qua các tác phẩm nghệ thuật.
MT 99: Trẻ chú ý nghe, thích thú (Hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca..) - Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã....., thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc
MT100: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng,,,) của các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 101: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt , điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 102: Trẻ biết thực hiện vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo hách, nhịp, tiết tấu - <i>Nghe, Cảm nhận được giai điệu bài hát, nhún nhảy theo nhịp điệu nhạc nước ngoài</i> - <i>Chơi các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - Thế giới sôi động 1-ThinkinThinh (Oranga Banga, Toony Loon, Các hình khối Blox bay, Các khối cầu Blox bay)</i>
MT 103: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm
MT104: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục, đường nét
MT105: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán để tạo ra sản phẩm

cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	
MT 106: Trẻ biết cách làm lồi, lõm, đục, đục, đục, đục nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng các kỹ năng nhào đất, nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dạng
MT107: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng
MT108: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét.
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</i>	
MT 109: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu điệu, nhịp điệu bài hát của các bài hát, bản nhạc
MT 110: Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo theo nhịp điệu bài hát
MT 111: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích
MT 112: Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình

4. Nội dung giáo dục Mẫu giáo 5-6 tuổi

4.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
MT1: Ăn: Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. Uống	- Chế độ ăn: Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal. - Ăn một bữa chính vào buổi trưa và hai bữa phụ vào buổi sáng,

nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh	buổi chiều. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Ăn đúng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
MT2: Tổ chức ngủ: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
MT3: Vệ sinh: - Trẻ Biết vệ sinh cá nhân : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Vệ sinh môi trường:
- Môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
MT4: Chăm sóc sức khỏe và an toàn: Trẻ được	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo

khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Trẻ phát triển bình thường là 97% trở lên. + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...) - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
-Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp
MT 5: Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 15,9 – 27,1 kg . Trẻ gái: 15,3 – 27,8 kg + Chiều cao: . Trẻ trai : 106,1 – 125,8 cm . Trẻ gái : 104,9 – 125,4 cm	- Trẻ phải được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. Theo dõi cân đo sức khỏe : Cân và đo chiều cao 3 tháng 1 lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.

4.2. Giáo dục

MỤC TIÊU CỤ THỂ (Kết quả mong đợi)	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Phát triển vận động - Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	

MT6; Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Các động tác phát triển hô hấp : + Hít vào thật sâu ; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bắp vai : + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra trước, sang ngang. + Đánh xoay tròn 2 cánh tay. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng : + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Đứng, cúi về trước. + Đứng quay người sang 2 bên. + Nghiêng người sang 2 bên. + Cúi về trước ngửa ra sau. + Quay người sang 2 bên. - Các động tác phát triển cơ chân : + Khụy gối. + Bật đưa chân sang ngang. + Đưa chân ra các phía. + Nâng cao chân gập gối. + Bật về các phía.
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động	
MT 7: Trẻ biết: Bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	- Bật nhảy bằng cả 2 chân ; Bật liên tục vào 5- 7 vòng ; Bật xa 40- 50cm ; Bật tách khép chân qua 7 ô ; Bật qua vật cản ;
MT 8: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40	- Bật – nhảy từ trên cao xuống (40- 45cm) ; Bật sâu 40 cm

cm.(CS2)	
MT 9: Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.(CS3)	- Ném trúng đích nằm ngang ; - Tung bóng lên cao vào bắt bóng ; Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
MT10: Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.(CS4)	- Trèo lên xuống 7 giống thang ; Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm
MT11: Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	- Nhảy lò cò 5m ; Nhảy lò cò 5 – 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu
MT 12: Trẻ biết: Đập và bắt bóng bằng 2 tay.(CS10)	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay ; Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
MT 13: Trẻ biết: Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS11)	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) ; Đi trên dây (dây đặt trên sàn) ;
MT 14: Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7 s.(CS12)	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120 m
MT 15: Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	- Chạy chậm 150 m ; Chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.
MT 16: Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, , hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
MT 17: Trẻ biết bò qua 5,7 điểm đích cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò đích cách qua 7 điểm ; Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m
MT 18: Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3 m)	- Đi trên ván dốc ; Đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3 m)

MT 19: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh(Đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối, - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi, chạy thay đổi hướng tốc độ, hướng đích đặc theo hiệu lệnh
MT 20: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bóng tại chỗ, đi và đập bắt bóng - Ném xa, Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Chuyển bắt bóng qua đầu và chân
- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt	
MT 21: Trẻ biết tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS 6)	- Tô màu không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ - Tô đồ theo nét
MT 22: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.(CS7)	- Cắt rời được hình không bị rách - Đường cắt luôn sát theo nét vẽ
MT 23: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhẵn.(CS8)	- Dán các hình học, con vật, thực vật,... vào đúng vị trí cho trước không bị nhẵn.
Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe	
- Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe	
MT24: Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày(CS19)	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất ; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa. - <i>Nhận biết các món ăn đặc sản của địa phương</i>
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT 25: Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)	- Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéch mớ tuya), khâu, luồn, buộc giây. - Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
MT 26: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay	- Tập luyện kỹ năng : rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn đúng các thao tác quy định ở mọi lúc mọi nơi (Trên

bắn.(CS15)	lớp, tại gia đình và nơi công cộng)
MT 27: Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.(CS16)	-Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.
MT 28: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.(CS18)	- Tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo.
MT 29:Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay
MT 30: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giặt, giặt nước cho sạch	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
- Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 31: Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.(CS17)	- Nhận biết một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
MT32: Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.(CS20)	-Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - Kể tên một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe
MT 33: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	- Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT 34: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.(CS23)	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn.

MT35: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.(CS21)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật sắc nhọn đánh nhau, cào, cứa bạn...., những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo ; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....
MT36: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.(CS22)	- Nhận ra một số việc làm có thể gây nguy hiểm đối với bản thân và người xung quanh. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó.
MT37: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.(CS24)	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo.
MT38: Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.(CS25)	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, tai nạn...và gọi người đến giúp đỡ. Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.
MT39: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.(CS26)	- Tác hại thông thường của hút thuốc lá hoặc ngửi phải khói thuốc lá.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
Khám phá khoa học	
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
MT 40: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể .
MT 41: Trẻ biết yêu thương, tôn trọng cơ thể của bản thân và của người khác	- <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm và hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách</i> - <i>Tìm hiểu và nhận thức được cơ thể của mỗi người được tôn trọng kể cả người khuyết tật.</i> - <i>Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì có sở thích khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương chăm sóc bảo vệ</i>

	và giúp đỡ - Nhận thức được quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân và cả người khác) nhận thức rằng tất cả mọi người đều quan trọng và có quyền được đối xử một cách tôn trọng. - Củng cố nhận thức của trẻ em về văn hóa của chính mình
MT42: Trẻ biết đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi, nguyên liệu...
MT43: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng(CS96)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
MT44: Trẻ biết ứng dụng phần mềm Kidsmart phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3 hoặc 4 đồ dùng - Sử dụng thành thạo một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy
MT45: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
MT 46: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT47: Trẻ biết đặc điểm của không khí, ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây xanh.
MT 48: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi...

MT 49: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa quả... - Phân loại cây hoa quả theo 2-3 dấu hiệu - Khám phá động vật theo một trong các nhóm: Bò sát, cá, chim, lưỡng cư, thú, côn trùng - Động vật cần gì để sống ? - Điều gì xảy ra nếu không thỏa mãn nhu cầu cơ bản thông qua câu hỏi này trẻ nhận ra: Đặc điểm, vòng đời, thức ăn ảnh hưởng tới sinh tồn của của động vật
MT 50: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật và một số hiện tượng tự nhiên.(CS 93)	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của của một số loại cây con vật - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối và môi trường sống.
MT51: Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94)	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm - Đặc điểm đặc trưng của các mùa
MT 52: Trẻ phân biệt được ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời
MT53 : Trẻ nhận biết được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng, và giải quyết vấn đề đơn giản	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng (Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi..) - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau ...
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 54: Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(CS95)	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa

MT 55: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.(CS114)	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc. - Thí nghiệm, thực nghiệm về sự vật hiện tượng xung quanh như; vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
MT 56: Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	- Tò mò tìm tòi, khám phá các SVHT xung quanh như đặt câu hỏi về SVHT ‘Tại sao có mưa’
MT57: Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật - Hát vận động các bài hát về cây, con vật.. - Vẽ, xé, nặn các con vật, đồ vật...
Khám phá xã hội - Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT 58: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
MT 59: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ ; Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình.
MT 60: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại(nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	- Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại...
MT 61: Trẻ nhận biết được những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên trường, lớp, địa chỉ trường.. - Công việc của các cô, các bác trong trường mầm non - Đặc điểm, sở thích của các bạn - Các hoạt động của trẻ ở trường
MT 62: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.(CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như ; thích búp bê, ô tô...)

MT 63: Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ - Tạo ra những sản phẩm không giống bạn - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
MT 64: Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.(CS98)	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến.
<i>MT 65 : Nghề truyền thống ở địa phương (nghề khai thác thủy sản)</i>	<i>-Tên gọi, đặc điểm nổi bật, cách khai thác và chế biến một số món ăn đặc sản của phường Hưng Đạo (Đặc sản con rươi, con cáy)</i>
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 66: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội .	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội của quê hương đất nước.
MT 67: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.(CS 97)	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công viên, siêu thị, nhà văn hóa khu...
MT 68: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước
MT69: Trẻ hiểu biết về tên gọi, một số thông tin về biển đảo Việt Nam	- Trẻ kể tên một số đảo lớn nhỏ của Việt Nam (Trường Sa, Hoàng Sa, Cô Tô, Vân Đồn, Phú Quốc...) - Trẻ biết một số thông tin cần thiết về biển đảo Việt Nam
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
- Nhận biết và đếm số lượng	

MT 70: Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.(CS104)	- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng, - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 nhận biết chữ số trong phạm vi 10; - Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ..)
MT 71: Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105) Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	- Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
MT 72: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.
So sánh sắp xếp theo quy tắc	
MT 73: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.(CS116)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.
So sánh hai đối tượng	
MT 74: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
MT 75: Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo

Nhận biết hình dạng	
MT 76: Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu.(CS107)	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
<i>MT77: Trẻ biết ứng dụng phần mềm Kidsmart để nhận biết phân biệt các khối</i>	<i>- Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo mẫu thiết kế tại ngôi nhà Chuột trong ngôi nhà toán học của Mille</i>
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 78: Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS 108)	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên - phía dưới ; phía phải - phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 79: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.(CS109)	- Gọi tên các thứ trong tuần
MT80: Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
MT 81: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.(CS111)	- Nhận biết các ngày trong tuần; Nhận biết giờ trên đồng hồ.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
MT 82: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động.(CS62)	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...)

MT 83: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.(CS 63)	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình... - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác
MT 84: Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(CS61)	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
MT 85; Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 86: Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65)	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được
MT87: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.(CS66)	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh
MT 88: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.... - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý.
MT89: Trẻ biết sử dụng một số từ song ngữ Anh – việt đơn giản trong giao tiếp hàng ngày	- Biết chào hỏi, cảm ơn, tạm biệt, tên gọi một số loại quả, con vật gần gũi bằng tiếng anh trong giao tiếp hàng ngày
MT 90: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.

thân.(CS68)	- Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân.
MT 91: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
MT 92: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói
MT 93: Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.(CS77)	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn. (Tạm biệt, xin chào...) - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng
MT 94 Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.(CS70)	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...
MT 95: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS71)	- Kể lại truyện đã nghe theo trình tự
MT 96: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện(CS72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.
MT 97: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp,(CS 73)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 98: Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói (CS 76)	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
MT 99: Trẻ biết kể chuyện theo tranh..(CS85)	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh
MT 100: Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết

thuộc theo cách khác nhau.(CS120)	thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
MT 101: Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện	- Đóng kịch
MT 102: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, bài ca dao	- Đọc thơ, ca dao
Làm quen với việc đọc và viết	
MT 103: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.(CS79)	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
MT 104: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách(CS80)	- Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.
MT 105: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS81)	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách
MT 106: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Nhận biết các nhãn hàng hóa.
MT 107: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.(CS83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Chỉ tên các phần của sách; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả... Giở, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
MT 108: Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết.(CS84)	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giở tranh khi hết nội dung truyện
MT 109: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.(CS86)	- Nhận dạng các chữ cái - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau
MT 110: Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ,

	ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;
MT 111: Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.(CS88)	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
MT 112: Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.(CS89)	- Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới
MT 113: Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.(CS90)	- Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Hướng viết của các nét chữ
MT 114: Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)	- Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 115: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.(CS27)	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT 116: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.(CS28)	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình

MT 117: Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.(CS29)	- Sở thích, khả năng của bản thân - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do.
MT 118: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.(CS30)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động; - Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích.
- Trẻ thể hiện sự tự tin tự lực	
MT 119: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.(CS31)	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.
MT 120: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(CS32)	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
MT 121: Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.(CS33)	- Thực hiện công việc được giao (Trục nhật xếp, dọn đồ chơi)
MT 122: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(CS34)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt"- "xấu".
MT123 : Trẻ được đối xử công bằng và bình đẳng	- Đối xử công bằng với mọi trẻ trên cơ sở tôn trọng sự khác biệt. - Thể hiện sự đồng cảm, hòa hợp và tôn trọng người khác dù người đó là ai trong mọi tình huống giao tiếp - Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm - Tôn trọng điểm giống và khác nhau của người khác so với bản thân mình về đặc điểm bên ngoài, sở thích khả năng suy nghĩ điểm mạnh điểm yếu... - Trẻ em nhận thức được mình ở đâu trong mỗi hoàn cảnh, tình huống và tôn trọng danh giới cá nhân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
MT 124: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.(CS35)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT 125: Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT 126: Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè; (CS37)	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui)
MT 127: Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(CS38)	- Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật... trẻ thích thú trước cái đẹp,
MT128: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Chăm các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối.
MT 129: Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.(CS40)	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 130: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS41)	- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột; Kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn
MT 131: Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.(CS42)	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái
MT 132: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.(CS43)	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi

MT 133: Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi
MT 134: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.(CS45)	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình đến giúp đỡ nhau.
MT 135: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.(CS46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
MT 136: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.(CS47)	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT 137: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)	- Kính yêu Bác Hồ
MT 138: Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện...về Bác.	- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MT 139: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử như chùa Non Đông, chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân... cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 140: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự
MT141: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.(CS 49)	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn

MT142: Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn; - Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ;
MT 143: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ.
MT 144: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn.
MT145: Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác(CS53)	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
MT146: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (CS54)	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi
MT 147: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn
MT 148: Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)	- Chú ý khi nghe cô và bạn nói không ngắt lời người khác.
MT 149: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.(CS58)	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi
MT 150: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)	- Nhận ra và chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè.
MT 151: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	- Biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi

Quan tâm đến môi trường	
MT 152: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.(CS56)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ‘Đúng- sai’ ‘Tốt- Xấu’ của con người với môi trường
MT 153: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT 154: Trẻ thực hiện một số qui định ở gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng - Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Trật tự khi ăn, khi ngủ - Đi bên phải lề đường
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT155: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 156: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(CS99)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. <i>- Nghe và nhận biết một số giai điệu bài hát của nước ngoài quen thuộc</i>
MT 157: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, phối hợp.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	

MT 158: Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
MT 159: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(CS102).	- Lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT 160: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 161: Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).(CS117)	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
MT 162: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau(CS119)	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 163: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 164: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)	- Trẻ nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 165: Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	- Tô đồ theo các nét vẽ, hình vẽ không chòem ra ngoài
MT 166: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình

IV – CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Nhà trẻ

1.1. Các hoạt động giáo dục

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

b. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

c. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

e. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lí của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sảng khoái, vui vẻ.

1.2. Hình thức tổ chức

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6), ...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

1.3. Phương pháp giáo dục

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoải mái nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thoải mái nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

+ Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

+ Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

+ Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

e. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

1.4. Tổ chức môi trường giáo dục

1.4.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- + Trẻ 24 – 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực trưng bày các con vật.

1.4.2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

1.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1.5.1. Đánh giá trẻ hàng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục.

1.5.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Sử dụng bài tập tình huống
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ
- Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi

2. Mẫu giáo

2.1. Các hoạt động giáo dục

2.1.1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.

- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2.1.2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

2.1.3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

2.1.4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

2.2.1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 1/6), Ngày ra trường...).

2.2.2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

2.2.3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

2.3. Phương pháp giáo dục

2.3.1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2.3.2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

2.3.3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

2.3.4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

2.3.5. Nhóm phương pháp nêu gương -đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

2.3.6. Vận dụng hiệu quả phương pháp giáo dục STEAM với các độ tuổi, đặc biệt là độ tuổi mẫu giáo. Sự kết hợp này mang đến cho trẻ nhỏ sự hứng khởi trong học tập, thúc đẩy tư duy giải quyết vấn đề một cách khoa học, phát triển các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác, xử lý thông tin, tự phục vụ, bảo đảm an toàn... Phương pháp giáo dục STEAM đem đến cho trẻ: cơ hội học trải nghiệm; cơ hội về kiến thức, kỹ năng trong thực tế cuộc sống, tạo ra những sản phẩm ý nghĩa; khuyến khích trẻ khám phá tìm tòi; phát huy năng lực tư duy sáng tạo, tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề, khơi dậy niềm yêu thích của trẻ với: Khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán.

2.4. Tổ chức môi trường giáo dục

2.4.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện(sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

2.4.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

2.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

2.5.1. Đánh giá trẻ hàng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2.5.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá: Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi

V. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, TÍCH HỢP, LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2024. Trường Mầm non Hưng Đạo linh hoạt định hướng giáo viên mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các

nước tiên tiên phù hợp với tình hình trẻ tại nhóm/lớp như: Steam, Montessori, Reggio Emilia, ... để giúp cho trẻ có nhiều cơ hội trải nghiệm, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” để rèn luyện và hình thành kỹ năng An toàn giao thông cho trẻ tại trường. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo khối lớp, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình vào trong chương trình giáo dục mầm non, đúng với quan điểm “Giờ học hạnh phúc - giờ chơi sáng tạo” nhằm thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm.

Ngoài ra, nhà trường thực hiện lồng ghép các nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua việc phát huy giá trị lịch sử. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động tham quan dã ngoại, trong các hoạt động vui hội ở các khối lớp, cuộc thi vẽ tranh, trong ngày hội của trường... một cách phù hợp.

VI. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Nội dung đánh giá.

1.1. Đánh giá kế hoạch giáo dục

1.1.1 Đánh giá kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

- Đánh giá các loại kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bao gồm: Kế hoạch giáo dục, kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng năm học chung cho từng độ tuổi của nhà trường; Kế hoạch năm học/kế hoạch chủ đề (tháng)/tuần/ngày của giáo viên xây dựng trên cơ sở KH GD năm học của trường.

- Xem xét đánh giá việc đảm bảo thực hiện quy định trong tổ chức xây dựng các loại kế hoạch trên.

1.1.2. Đánh giá tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Hoạt động quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn tại trường, các nhóm/lớp thông qua các hoạt động tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh, lao động, chăm sóc sức khỏe và an toàn.

1.1.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá việc thực hiện mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá việc sử dụng và lưu trữ kết quả tài liệu, thông tin liên quan đến đánh giá sự phát triển của trẻ để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục.

- Đánh giá kết quả giáo dục trong lĩnh vực phát triển chương trình cho trẻ làm quen với công nghệ số
- + Đánh giá tiến bộ của trẻ theo yêu cầu cần đạt và sự hứng thú của trẻ đối với các hoạt động cho trẻ làm quen với công nghệ số thông qua phần mềm Kidmarts; Khả năng sử dụng máy tính và khai thác các phần mềm kidsmart của trẻ.
- + Đánh giá khả năng nhận biết mặt chữ cái, cách viết các chữ số, tô chữ cái.

1.2. Đánh giá việc tổ chức môi trường giáo dục

- Đánh giá việc tổ chức môi trường vật chất của nhà trường, của từng nhóm/lớp: Thiết kế, sắp xếp, khai thác, sử dụng các góc hoạt động trong và ngoài nhóm/lớp; thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu...đảm bảo an toàn về thể chất, tận dụng các không gian hiện có của nhóm/lớp phù hợp, linh hoạt, tạo nhiều cơ hội cho trẻ trải nghiệm, thực hành, khám phá, kích thích sự sáng tạo của trẻ không hình thức, lãng phí.

- Đánh giá việc tổ chức môi trường xã hội trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: Môi trường mang đến cho trẻ cảm giác an toàn về tinh thần, vui vẻ, thoải mái, thân thuộc, có nhiều cơ hội để thể hiện và phát triển năng lực cá nhân.

1.3. Đánh giá đội ngũ thực hiện kế hoạch

- Hiểu biết về sự phát triển của trẻ và các nguyên tắc giáo dục thể hiện qua việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ
- Khả năng làm việc và đạo đức nghề nghiệp

1.4. Đánh giá công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng

- Các định hướng, quy định về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng.
- Hỗ trợ, phối hợp trong bảo vệ trẻ em và hướng dẫn để cha mẹ trẻ tham gia vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

1.5. Đánh giá thực hiện giáo dục hòa nhập

- Đánh giá khả năng tiếp cận và sự công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập
- Đánh giá nhân lực/đội ngũ và các hoạt động chỉ đạo, phối hợp hỗ trợ giáo dục hòa nhập

1.6. Đánh giá hoạt động kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình
- Đánh giá việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình đầy đủ các nội dung: kiểm tra chương trình, kiểm tra đội ngũ, kiểm tra môi trường...
- Đánh giá việc thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá
- Đánh giá việc lưu trữ văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến kiểm tra, đánh giá.

2. Thời gian, chu kỳ đánh giá.

- Đánh giá thực hiện chương trình được tổ chức thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Hình thức, phương pháp đánh giá

3.1. Hình thức đánh giá

- Theo thời gian: Đánh giá thường xuyên, đột xuất, định kỳ
- Theo nội dung: Đánh giá toàn diện hoặc một nội dung trọng tâm nào đó
- Theo phương pháp: Đánh giá trực tiếp bằng văn bản, hoặc đánh giá gián tiếp qua dự giờ, thăm lớp, qua sinh hoạt chuyên môn...
- Theo chủ thể đánh giá: Cán bộ quản lý/giáo viên tự đánh giá

3.2. Phương pháp đánh giá

- Phân tích sản phẩm
- Quan sát thực tế
- Trao đổi, tọa đàm, phỏng vấn, thảo luận
- Xây dựng các tiêu chí, minh chứng để đánh giá từng nội dung

4. Tổng hợp kết quả đánh giá, đề xuất giải pháp và thực hiện điều chỉnh:

Trên cơ sở nhận định, xác định được mức độ đạt về nội dung đánh giá, cán bộ quản lý và giáo viên đề xuất các giải pháp tác động để thực hiện điều chỉnh

- Cán bộ quản lý: Đề xuất và thực hiện các giải pháp liên quan đến nâng cao chất lượng về chương trình, môi trường giáo dục, đội ngũ thực hiện, phối hợp giữa nhà trường, cộng đồng và gia đình, hoạt động kiểm tra, đánh giá...
- Giáo viên, nhân viên đề xuất và thực hiện các giải pháp liên quan đến vị trí việc làm, thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Biên soạn, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về kế hoạch giáo dục nhà trường
- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện kế hoạch.

2. Đối với phó hiệu trưởng

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

2. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường
- Phối hợp với cán bộ phụ trách chuyên môn kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.
- Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

3. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, ngày linh hoạt phù hợp với nhận thức của trẻ và điều kiện của nhóm, lớp.
- Thực hiện tốt việc đánh giá trẻ và điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhóm lớp khi cần thiết.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động.

- Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Steam, Montessori, Reggio Emilia tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của trường Mầm non Hưng Đạo, yêu cầu CBQLGV xây dựng các loại kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường./.

Nơi nhận :

- Bộ phận CM Phòng GD&ĐT (b/c);
- Các phó HT (c/đ);
- Các tổ CM, GV (thực hiện);
- Lưu VT- HSCM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hằng